TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Học và ông Nguyễn Văn Tòng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Không

Ngày 06/02/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2017 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1996

NĐKHKTT: Thôn H, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn I, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Mai Đình H – Sinh năm: 1993

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã K, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2017 của chị Nguyễn Thị T yêu cầu tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi và anh Mai Đình H trước khi cưới do có sự gán ghép của hai bên gia đình nên chưa tìm hiểu rõ về con người của nhau. nhưng vì do ghán gép nên kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 21/6/2017. Sau khi cưới, hai vợ chồng đều làm nghề tự do, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hai tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H bị dị tật bộ phận dương vật, không có khả năng sinh con, lại thường xuyên cãi vã và nhậu nhẹt. Hai vợ chồng sống không có hạnh phúc. Do cuộc sống không có tương lai nên đến ngày 30/9/2017 tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ tôi để sống. Vợ chồng tôi sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có tương lai, hạnh phúc nên tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Mai Đình H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Theo Bản tự khai ngày 24/11/2017 và biên bản hòa giải ngày 04/12/2017, anh Mai Đình H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị T ký kết hôn vào giữa năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tĩnh Gia. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tôi không có con, vợ chồng có đi khám tại bệnh viện Việt Đức và bệnh viện Bà mẹ và trẻ em Nghệ An đều khẳng định là tôi không có con. Vợ tôi nói là đi điều trị nhưng do hiện nay chưa có phương pháp điều trị và tôi cũng không đi điều trị. Do biết bệnh của tôi như vậy nên tôi có đi uống rượu bị say về nhà vợ chồng to tiếng cãi nhau. Đến ngày 30/9/2017 cô Thịnh về sống với bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay cô Thịnh làm đơn xin ly hôn, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn và xin được một thời gian để suy nghĩ về tình cảm vợ chồng rồi sẽ quyết định sau.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H bị dị tật bộ phận dương vật, không có khả năng sinh con nên anh H chán nản hay say rượu, về nhà vợ chồng thường xuyên cải vã lẫn nhau. Đến ngày 30/9/2017 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ để sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Do đó có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống giữa chị T và anh H không có tương lai, tình cảm vợ chồng chị không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H không có con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Hai bên không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án để buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Mai Đình H.

- Về Con chung: Chị T và anh H không có con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về Tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về Án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002544 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị T, vắng mặt anh H. Tuyên bố chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bắc